

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC BÌNH  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17-6-2024

V/v *Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thúy Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Cao Sơn và ông Hoàng Văn Trạch.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Lành Văn K, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 46, Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/4/2024, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lành Văn K được tự do tìm hiểu yêu nhau khoảng 03 năm rồi mới tiến tới hôn nhân, không tổ chức hôn lễ. Chị Trần Thị N và anh Lành Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 02/8/2004. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu bình thường, đến năm 2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng chung sống nhưng không có tiếng nói chung, anh Lành Văn K khi

uống rượu về nhà thì không tôn trọng chị Trần Thị N, thường xuyên hành hạ vợ (đòi quan hệ) cả đêm không cho vợ ngủ, mỗi khi uống rượu vào anh Lành Văn K như một con người khác, không cần biết vợ có đồng ý cho quan hệ hay không thì anh vẫn thực hiện, vợ không có quyền từ chối. Nhiều lần sự việc diễn ra, chị Trần Thị N có nói chuyện với anh Lành Văn K nhưng anh không sửa đổi. Từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai không có tiếng nói chung, ngoài ra anh Lành Văn K còn không quan tâm tới vợ con, không tu trí làm ăn, không chăm lo gia đình, không đóng góp kinh tế gì cho gia đình, chị Trần Thị N phải nuôi cả gia đình nên rất mệt mỏi áp lực. Thời gian đầu chị Trần Thị N cố chịu đựng, chấp nhận bỏ qua để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng càng về sau anh Lành Văn K càng quá đáng, mỗi lần rượu say về lại hành hạ vợ cả đêm không cho ngủ, nghỉ, từ ngày 15/5/2024 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, từ khi sống ly thân cả hai không còn quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc gì tới nhau. Nay chị Trần Thị N xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lành Văn K.

Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Lành Văn K có 02 con chung là cháu Lành Vĩnh K, sinh năm 2005 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Lành Cát T, sinh ngày 09/8/2015. Khi ly hôn chị Trần Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lành Cát T đến khi con đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Lành Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị Trần Thị N kinh doanh tự do, có thu nhập ổn định, có nhà cửa đầy đủ, đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lành Cát T cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Do bận công việc làm ăn chị Trần Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản khai, Biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2024 bị đơn anh Lành Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lành Văn K và chị Trần Thị N kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới anh chị có thời gian tự tìm hiểu, yêu nhau được khoảng 01 năm, cả hai không tổ chức cưới hỏi mà chỉ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm tính cách không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, cả hai không có thời gian ly thân nhưng khác người khác chung sống một nhà khác nhau nhưng vẫn đi lại. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn liên lạc gì với nhau, chị Trần Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn anh Lành Văn K hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh Lành Văn K và chị Trần Thị N có 02 con chung là cháu Lành Vĩnh K, sinh năm 2005 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Lành Cát T,

sinh ngày 09/8/2015. Khi ly hôn anh Lành Văn K đồng ý để chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lành Cát T cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lành Văn K chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị N chưa yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Do bận công việc làm ăn, anh không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, anh Lành Văn K đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết vắng mặt anh tại tất cả các phiên họp, phiên tòa cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản khai, ngày 13/5/2024 cháu Lành Cát T trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn cháu mong muốn được tiếp tục sống với mẹ là chị Trần Thị N.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh Lành Văn K, chị Trần Thị N đã có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Trần Thị N và anh Lành Văn K vắng mặt nhưng đã có lời khai và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị N và anh Lành Văn K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 02/8/2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2008 do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương nhau. Từ tháng 5 năm 2024 đến nay thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau, không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Chị Trần Thị N yêu cầu ly hôn với anh Lành Văn K là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N được ly hôn với anh Lành Văn K. Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Lành Văn K có 02 con chung là cháu Lành Vĩnh K, sinh năm 2005 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Lành Cát T, sinh ngày 09/8/2015. Chị Trần Thị N và anh Lành Văn K đều có ý kiến thống nhất để chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lành Cát T cho đến khi con đủ 18 tuổi, và cũng là nguyện vọng của cháu Lành Cát T. Chị Trần Thị N chưa yêu cầu anh Lành Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Lành Cát T, sinh ngày 09/8/2015 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lành Văn K chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị N

chưa yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Lành Văn K đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị N và bị đơn anh Lành Văn K vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện họ đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lành Văn K cư trú tại số 46, Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lành Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 02/8/2004. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị N và anh Lành Văn K là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2008 do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương nhau. Từ tháng 5 năm 2024 đến nay thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tiếng nói chung, đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau, không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị N và anh Lành Văn K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị N và anh Lành Văn K có 02 con chung là cháu Lành Vĩnh K, sinh năm 2005 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Lành Cát T, sinh ngày 09/8/2015. Chị Trần Thị N và anh Lành Văn K đều thống nhất giao con chung cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lành Cát T cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy chị Trần Thị N có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở ổn định, cháu Lành Cát T cũng có nguyện vọng sống cùng chị Trần Thị N. Vì vậy, để đảm bảo đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em phát triển toàn diện, giao con chung là cháu Lành Cát T cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lành Văn K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị N chưa yêu cầu. Anh Lành Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh Lành Văn K thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Lành Văn K đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Lành Văn K. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01, đăng ký ngày 02/8/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lành Cát T, sinh ngày 09/8/2015 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lành Văn K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị N chưa yêu cầu.

Anh Lành Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh Lành Văn K thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số: 0002307, ngày 03/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Trần Thị N đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND thị trấn L, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thúy Huyền**

